



Danh sách Thuốc Thiết yếu cho Chó mèo năm 2023 của Hiệp hội Thú y Thú Nhỏ Thế giới (WSAVA)

CÁC TÁC GIẢ:

P. V. STEAGALL ^{*†,1}, L. PELLIGAND [‡], S. PAGE ^{§¶}, J. L. GRANICK ^{||}, F. ALLERTON ^{**}, P. M. BĘCZKOWKI ^{††},
J. S. WESEE ^{‡‡}, A. K. HRČEK ^{§§}, F. QUEIROGA ^{¶¶|||***}, VÀ GUARDABASSI ^{†††}

*Khoa Khoa học Lâm sàng, Khoa Thú y, Đại học Montréal, Saint-Hyacinthe, QC, Canada

†Khoa Khoa học Lâm sàng Thú y, Trung tâm Sức khỏe và Phúc lợi Động vật, Trường Cao đẳng Thú y và Khoa học Sự sống Jockey Club, Đại học Thành phố Hồng Kông, Hồng Kông, SAR, Trung Quốc

‡Trường Thú y Hoàng gia, Hawkshead Lane, North Mymms, Hatfield, AL9 7TA, Vương quốc Anh

§Trị liệu Thú y Tiên tiến, Newtown, NSW, Úc

¶Phó Giáo sư Danh dự, Trường Khoa học Thú y Sydney, Khoa Khoa học, Đại học Sydney, Sydney, NSW, Úc

||Khoa Khoa học Lâm sàng Thú y, Trường Cao đẳng Thú y, Đại học Minnesota, Saint Paul, MN, Hoa Kỳ

**Trung tâm Thú y & Dịch vụ Giới thiệu Willows, Highlands Road Shirley, Solihull, West Midlands B90 4NH, Vương quốc Anh

††Khoa Khoa học Lâm sàng Thú y, Trường Cao đẳng Thú y và Khoa học Sự sống Jockey Club, Đại học Thành phố Hồng Kông, Hồng Kông, SAR, Trung Quốc

‡‡Khoa Sinh lý bệnh và Trung tâm Y tế Công cộng và Bệnh động vật, Trường Cao đẳng Thú y Ontario, Đại học Guelph, Guelph, ON, Canada

§§Người làm việc tự do, Ljubljana, Slovenia

¶¶Trung tâm Nghiên cứu Động vật và Thú y (CECAV), Đại học Trás-os-Montes và Alto Douro, Vila Real, Bồ Đào Nha

|||Phòng thí nghiệm Liên kết về Khoa học Động vật và Thú y (AL4AnimalS), Đại học Trás-os-Montes và Alto Douro, Vila Real, Bồ Đào Nha

***Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Động vật, CECA-ICETA, Đại học Porto, Porto, Bồ Đào Nha

†††Khoa Thú y và Khoa học Động vật, Đại học Copenhagen, Frederiksberg, Đan Mạch

1Email tác giả liên hệ: paulo.steagall@umontreal.com

MỤC LỤC

Bối cảnh	1
Định nghĩa.....	1
Việc sử dụng danh sách thuốc thiết yếu.....	1
Tiêu chí lựa chọn thuốc thiết yếu.....	2
Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và thuốc cấp cứu	2
Thuốc kháng sinh.....	4
Thuốc kháng sinh và Thuốc kháng động vật nguyên sinh	4
Thuốc toàn thân	4
Thuốc ngoài da/nhỏ mắt.....	5
Thuốc kháng nấm.....	6
Thuốc kháng kí sinh trùng.....	6
Thuốc kháng vi-rút.....	7
Thuốc điều chỉnh hành vi.....	8
Thuốc hệ tim-phổi-thận.....	8
Thuốc hệ nội tiết	9
Thuốc an tử.....	10
Thuốc hệ tiêu hoá	10
Thuốc điều hoà miễn dịch	11
Thuốc thần kinh.....	12
Thuốc điều trị ung thư	12
Thuốc nhãn khoa	13
Thuốc hệ sinh sản.....	14
Vắc-xin dành cho chó mèo	15

BỐI CẢNH

Các thành viên của Nhóm Hướng dẫn Trị liệu WSAVA (TGG) xin trình bày phiên bản thứ hai của danh sách thuốc thiết yếu sau quá trình xem xét nội bộ và đánh giá ngang hàng bên ngoài một cách rộng rãi. Việc đánh giá ngang hàng nội bộ được thực hiện bởi các thành viên TGG vào năm 2023, còn việc đánh giá ngang hàng bên ngoài được thực hiện bởi các cá nhân được chứng nhận bởi hội đồng quản trị và các nhóm làm việc khác của WSAVA. Ngoài ra, đã có một cuộc kiểm duyệt kéo dài 3 tháng (từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2023), cho phép bất kỳ cá nhân nào bao gồm cả các nhánh thành viên WSAVA cung cấp ý kiến, đề xuất và phản hồi chung. Mọi ý kiến nhận được đều được TGG xem xét cẩn thận, đồng thời xem xét các định nghĩa về các loại thuốc cốt lõi và thuốc bổ sung. Danh sách cập nhật (phiên bản 2) là sản phẩm của nhiều vòng sửa đổi và dựa trên sự đồng thuận của các chuyên gia.

Danh sách thuốc thiết yếu này sẽ cho phép bác sĩ thú y cung cấp dịch vụ chăm sóc phòng ngừa và điều trị thích hợp cho các bệnh thường gặp và quan trọng nhất ở chó mèo, đồng thời duy trì các tiêu chuẩn phúc lợi động vật phù hợp. Mục đích của danh sách này là để cải thiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát theo quy định để đảm bảo sự sẵn có của thuốc, chất lượng thuốc, việc sử dụng và cảnh giác trong việc sử dụng phù hợp, đồng thời giảm thiểu thị trường thuốc giả/nhái hiện đang gia tăng. Danh sách thuốc thiết yếu không nhằm mục đích xác định loại thuốc nào phải luôn có sẵn trong phòng khám/bệnh viện cũng không phải là một danh mục thuốc; đúng hơn là bác sĩ thú y nên tiếp cận với các (thuốc) này nếu cần để phòng ngừa và điều trị các bệnh và tình trạng cụ thể. Ngoài ra, ủy ban hiểu rằng không có “thuốc nào phù hợp với mọi trường hợp” và có thể có những loại thuốc cụ thể được sử dụng cho các bệnh đặc hữu/dịch bệnh ở một số quốc gia mà danh sách không đề cập đến. Ví dụ, các thuốc kháng khuẩn thiết yếu được định nghĩa là những loại thuốc được khuyến cáo là thuốc ưu tiên hàng đầu để điều trị ít nhất một bệnh lý phổ biến nhưng cũng phải xem xét vấn đề kháng thuốc kháng sinh.

ĐỊNH NGHĨA

Thuốc thiết yếu là những loại thuốc đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe sơ bộ và phúc lợi của chó mèo.

VIỆC SỬ DỤNG DANH SÁCH THUỐC THIẾT YẾU

Các định nghĩa về thuốc thiết yếu được đưa ra dựa trên danh sách thuốc thiết yếu tương tự nhân y của Tổ chức Y tế Thế giới (<https://www.who.int/medicines/publications/essentialmedicines/en/>). Tuy nhiên, tài liệu hiện tại của chúng tôi không bao gồm một số nội dung cụ thể, như các đánh giá có hệ thống và phân tích tổng hợp mở rộng để chứng minh thông tin dựa trên bằng chứng cho từng loại thuốc, vì điều này có thể không phải lúc nào cũng đạt được trong thú y. Các loại thuốc được trình bày trong danh sách có thể được hoặc không được phê duyệt và/hoặc cấp phép sử dụng trong thú y, điều này có thể khác nhau giữa các quốc gia. Từ quan điểm pháp lý, danh sách này nên được điều chỉnh phù hợp với các nhu cầu và điều kiện cụ thể của khu vực hoặc quốc gia. Sự hiện diện của một loại thuốc trong danh sách thuốc thiết yếu không đảm bảo về chất lượng dược phẩm của các sản phẩm có chứa loại thuốc đó. Cơ quan quản lý thuốc quốc gia hoặc khu vực có liên quan có trách nhiệm đảm bảo rằng mỗi sản phẩm có chất lượng dược phẩm phù hợp (bao gồm cả tính ổn định) và khi có sự liên quan, các sản phẩm tương đương về mặt sinh học có thể được sử dụng thay thế cho nhau. Các cá nhân cũng nên nhận thức được về các nồng độ, công thức và dạng bào chế khác nhau của mỗi hợp chất/thuốc và các kết hợp thuốc có thể có trong một sản phẩm thương mại. Ngoài ra, danh sách này không nhằm mục đích được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc sử dụng liều lượng, tương tác thuốc, chỉ định hoặc chống chỉ định, tác dụng phụ hoặc mô tả tác dụng dược lý. Nó không mô tả loại thuốc nào cần được theo dõi, phương tiện xử lý/loại bỏ/lưu giữ hồ sơ cụ thể hoặc tư vấn theo dõi vì danh sách này không nên được sử dụng làm hướng dẫn điều trị.

Các loại thuốc thiết yếu được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái và được chia theo loại thuốc (thuốc gây mê, thuốc giảm đau, thuốc điều hòa miễn dịch, thuốc ung thư, thuốc an thần, vắc-xin, thuốc chống ký sinh trùng và thuốc kháng khuẩn, bao gồm thuốc kháng khuẩn, thuốc chống nấm, thuốc chống động vật nguyên sinh và thuốc kháng vi-rút) hoặc hệ thống cơ quan/chuyên khoa (tim mạch-hô hấp và thận, nội tiết, tiêu hóa, thần kinh, nhãn khoa hoặc sinh sản). Danh sách thuốc thiết yếu cho da liễu được trình bày trong các phần khác của tài liệu (như thuốc điều hòa miễn dịch, thuốc kháng khuẩn, thuốc chống ký sinh trùng, v.v.). Việc tham khảo chéo giữa loại thuốc và hệ thống cơ quan cần được thực hiện khi thích hợp. Một số chuyên khoa thú y có thể không được liệt kê vì danh sách thuốc thiết yếu của họ đã được hợp nhất vào một loại thuốc hoặc hệ thống cơ quan khác.

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN THUỐC THIẾT YẾU

Các thuốc thiết yếu được lựa chọn dựa trên tỷ lệ hiện hành và mức độ liên quan đến sức khoẻ cộng đồng/động vật, bằng chứng về độ hiệu quả và độ an toàn trên lâm sàng, và chi phí sử dụng cũng như tính hiệu quả về chi phí của thuốc. Những thuốc này hiếm khi thay thế được bởi thuốc khác, và việc thiếu chúng có thể ảnh hưởng đến sức khoẻ và phúc lợi của cộng đồng/động vật.

Danh mục thuốc cốt lõi trình bày các nhu cầu sử dụng thuốc ở mức tối thiểu đối với một hệ thống chăm sóc sức khoẻ cơ bản, đồng thời liên kê các loại thuốc hiệu quả, an toàn và tiết kiệm nhất dành cho các bệnh lý ưu tiên. Các bệnh lý ưu tiên được lựa chọn dựa trên mức độ liên quan đến sức khoẻ cộng đồng/động vật hiện tại và ước tính trong tương lai, cũng như khả năng điều trị an toàn và tiết kiệm chi phí. Danh mục thuốc bổ sung trình bày các loại thuốc thiết yếu cho các bệnh ưu tiên mà cần có các phương tiện chẩn đoán hoặc theo dõi tiên tiến, và/hoặc chăm sóc y tế tiên tiến, và/hoặc đào tạo nâng cao. Trong trường hợp nghi ngờ, thuốc cũng có thể được liệt kê là thuốc bổ sung dựa trên chi phí cao hơn hoặc hiệu quả chi phí kém hấp dẫn hơn trong nhiều môi trường khác nhau và sự sẵn có rộng rãi trong ngành.

THUỐC GÂY Mê, GIẢM ĐAU, AN THẦN VÀ THUỐC CẤP CỨU

(Hội đồng Đau toàn cầu WSAVA đã xuất bản hướng dẫn WSAVA năm 2022 để nhận biết, đánh giá và điều trị đau phù hợp, bao gồm các phác đồ với các loại thuốc khác nhau – <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1111/jsap.13566>. Hội đồng Đau toàn cầu WSAVA đã xuất bản thông tin về thuốc giảm đau tối thiểu – <https://www.wsava.org/WSAVA/media/Documents/Committee%20Resources/WSAVA-GPC-Position-minimum-analgesic-availability.pdf>.)

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc chủ vận thụ thể α_2 (Xylazine, medetomidine, dexmedetomidine)	Các thuốc an thần, giãn cơ và giảm đau được dùng như thuốc tiền mê và kiềm giữ có thể đảo ngược (nếu có sẵn thuốc đối vận như yohimbine, tolazoline hoặc atipamezole). Những thuốc này cũng được dùng dưới dạng tiêm trong thủ thuật triệt sản và có thể chống lại tác dụng co cứng cơ của ketamine.
2	Adrenaline (epinephrine)	Là thuốc tăng co bóp tim và thuốc vận mạch dùng trong trường hợp cấp cứu ngưng tim và/hoặc kiểm soát tình trạng sốc phản vệ toàn thân nghiêm trọng
3	Thuốc đối vận thụ thể α_2 (Yohimbine, tolazoline, atimepazole)	Để đảo ngược tác dụng của các thuốc chủ vận thụ thể α_2 . Tác dụng đảo ngược thường dùng để đẩy nhanh thời gian hồi mê và kiểm soát các tác dụng phụ.
4	Thuốc kháng cholinergic (Atropine, glycopyrrolate)	Thuốc kháng cholinergic được dùng để phòng hoặc điều trị cơn nhịp tim chậm quanh thời gian phẫu thuật và trong cấp cứu hồi sức tim mạch. Thuốc nhỏ mắt atrophine được dùng để điều trị viêm màng bồ đào (xem Thuốc Nhãn khoa).
5	Nhóm Benzodiazepine (midazolam, diazepam)	Là thuốc ức chế hệ thần kinh dùng để giãn cơ và chống co giật. Thường được kết hợp với ketamine để khởi mê. Midazolam có thể tiêm bắp (IM) trong triệt sản.
6	Canxi gluconat hoặc Cloride	Được truyền qua tĩnh mạch (IV) để điều trị tình trạng hạ canxi huyết trên chó mèo, gồm tình trạng hạ canxi huyết trong thời gian mang thai hoặc để điều trị tình trạng tăng kali huyết. Cần theo dõi các chỉ số tim mạch trong thời gian truyền thuốc để phòng tình trạng ngộ độc canxi. Canxi gluconate thường được ưu tiên hơn canxi cloride để tránh tình trạng kích ứng do cấp thuốc quanh mạch.
7	Nhóm corticosteroid	Những thuốc này được dùng để điều trị bệnh lý suy vỏ thượng thận, viêm, bệnh lý trung gian miễn dịch và ung thư.
8	Dung dịch tinh thể (crystalloid)	Đây là dung dịch chứa hỗn hợp gồm nước và điện giải, có thể là nhược trương, đẳng trương hoặc ưu trương. Dung dịch đẳng trương thường được dùng để thay thế tình trạng mất nước/điện giải do chuyển hoá, thủ thuật và hiện hữu (tức phòng và điều trị tình trạng mất nước và giảm thể tích), cũng như cung cấp lượng dịch duy trì cần thiết và cung cấp điện giải (như dextrose 5%, NaCl 0,9%, dung dịch điện giải cân bằng như Ringer's hoặc Hartmann's). Dung dịch ưu trương (như nước muối ưu trương 7,5%) có thể dùng để điều trị tình trạng tăng áp lực nội sọ và hạ huyết áp nghiêm trọng.
9	Dextrose	Điều trị cấp cứu tình trạng hạ canxi và bổ sung dịch thể.

Danh mục thuốc cốt lõi (tt)		
10	Thuốc gây mê phân ly (ketamine, tiletamine-zolazepam)	Thuốc gây mê phân ly với đặc tính chống tăng cảm (tức giảm đau) được dùng để khởi mê, kiềm giữ và được dùng trong triệt sản và trường hợp thiên tai. Không được dùng ketamine riêng lẻ như một thuốc gây mê (xem Nhóm benzodiazepine) vì thuốc có tác dụng tăng trương lực cơ và cứng cơ (Hội đồng Đau Toàn cầu của WSAVA đã công bố thông tin về tính hiện có tối thiểu của thuốc giảm đau)
11	Thuốc gây mê bay hơi (isoflurane, sevoflurane)	Thuốc gây mê bay hơi có đặc tính dược động học tốt về mặt chuyển hoá và bài thải, do đó được ưu tiên sử dụng trong thủ thuật kéo dài khi thuốc gây mê dạng tiêm có thể tích tụ và gây hại đến sự an toàn và phúc lợi động vật, hoặc khi thuốc dạng tiêm không có sẵn.
12	Lidocaine	Là thuốc gây tê cục bộ với tác dụng chống loạn nhịp (tức điều trị cơn loạn nhịp thất), hỗ trợ nhu động ruột và giảm đau. Thuốc được sử dụng rộng rãi trong các kỹ thuật gây tê cục bộ-gây tê vùng như thuốc giảm đau hàng đầu trong kiểm soát đau cấp tính. Những thuốc gây tê khác có thể dùng ngoài da/nhỏ mắt (xem Thuốc Nhân khoa).
13	Gây mê không phân ly (propofol, alfaxalone)	Thuốc gây mê toàn thân tiêm mạch (IV). Có thể dùng trong an thần, khởi mê và duy trì mê, nhất là khi không có sẵn ketamine.
14	Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID)	Thuốc có tác dụng kháng viêm, hạ sốt, giảm đau dùng trong điều trị sốt, đau cấp tính hoặc mạn tính. Khi sử dụng thuốc NSAID, cần chọn thuốc có đặc tính an toàn cao có thể cấp của đường uống hoặc đường tiêm cho cả chó lẫn mèo, trong thời gian ngắn hoặc dài. Thuốc nhỏ mắt NSAID có thể dùng trong một số bệnh lý cục thể (xem Thuốc Nhân khoa).
15	Opioid	Là thuốc giảm đau ưu tiên hàng đầu trong điều trị đau cấp tính chu phẫu. Những thuốc này cần thiết đối với các trường hợp đau vừa đến nặng, nhất là khi các thuốc giảm đau khác bị chống chỉ định. Nếu không thuộc trường hợp này thì tác dụng giảm đau không tối ưu. Một vài thuốc trong nhóm này đã được cấp phép sử dụng trên thị trường ở một số quốc gia (như methadone hoặc buprenorphine).
16	Thuốc lợi tiểu thẩm thấu (Mannitol)	Mannitol được chỉ định để giảm phù não và áp lực nội sọ. Mannitol được ưu tiên hơn nước muối ưu trương vì không cần theo dõi nồng độ điện giải. Mannitol cũng được dùng trong nhãn khoa để giảm áp lực nội nhãn liên quan đến bệnh cườm mắt (glaucoma)
17	Oxy	Sử dụng để bổ sung oxy nhằm ngăn ngừa hoặc điều trị tình trạng thiếu oxy máu và ở thú bệnh bị suy hô hấp. Oxy còn dùng làm khí mang trong gây mê bốc hơi. Có thể sử dụng oxy qua ống dẫn oxy, mặt nạ, lồng/chuồng oxy, ống thông mũi hoặc đặt nội khí quản.
18	Kali clorid	Sử dụng để ngăn ngừa hoặc điều trị hạ kali máu. Thuốc còn dùng để an tử khi thú bệnh bất tỉnh (như trong khi gây mê toàn thân).
19	Vitamin K1	Dạng uống (PO) và tiêm được sử dụng để điều trị ngộ độc thuốc diệt chuột (như warfarin, pindone, bromadiolone, v.v.) và bệnh gan nặng hoặc tắc nghẽn đường mật (dạng tiêm).
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Thuốc chống huyết khối (clopidogrel, aspirin)	Được dùng để kiểm soát các bệnh lý liên quan đến tình trạng tăng đông máu bao gồm: thiếu máu tán huyết do trung gian miễn dịch, bệnh thận và bệnh ruột mất protein, bệnh giun tim và bệnh tim.
2	Thuốc kháng histamin (hydroxyzine, chlorphenamine, diphenhydramine)	Là những thuốc đối kháng thụ thể H1 histamin. Có thể trong điều trị ngứa do dị ứng qua trung gian histamin bao gồm mày đay, phù mạch và phản ứng quá mẫn bao gồm sốc phản vệ toàn thân. Hiện có sẵn các công thức khác nhau, tùy thuộc vào thuốc kháng histamin. Ví dụ, có thể sử dụng diphenhydramine dạng uống và IV. Đánh giá cuối cùng cho nhóm thuốc này là có rất ít bằng chứng về việc sử dụng thuốc kháng histamin; tuy nhiên, đã có báo cáo về việc sử dụng thuốc trong thực hành lâm sàng với ít tác dụng phụ.
3	Dung dịch keo (colloid)	Có thể sử dụng các dung dịch này ở một số thú bệnh nhất định để tăng áp suất keo và mở rộng thể tích huyết tương lưu hành. Các dung dịch keo khác nhau về loại keo, thể tích và tốc độ truyền cũng như nguy cơ tác dụng phụ. Cần xem xét cẩn thận hiệu quả và mức độ an toàn trước khi sử dụng.

Danh mục thuốc bổ sung (tt)		
4	Máu tươi	Do quy trình xử lý và bảo quản các thành phần máu phức tạp, bác sĩ nên ít nhất thực hiện truyền máu toàn phần tươi để điều trị hạ huyết áp nặng, thiếu máu và/hoặc giảm tiểu cầu và thực hiện thay thế yếu tố đông máu trong bệnh lý đông máu trong vòng 4 đến 6 giờ sau khi lấy máu ở chó mèo. Một số quốc gia có sẵn ngân hàng máu thú y. Cần tối ưu hoá việc kiểm soát chất lượng và thực hành truyền máu tươi.
5	Nhũ tương lipid	Dung dịch nhũ tương lipid được sử dụng làm nguồn calo và axit béo thiết yếu để cung cấp dinh dưỡng ngoài đường tiêu hóa. Các dung dịch này cũng được dùng để điều trị ngộ độc các hợp chất tan trong chất béo bao gồm thuốc gây tê cục bộ và ngộ độc ivermectin.
6	Kháng thể đơn dòng kháng yếu tố tăng trưởng thần kinh	Các thuốc này được sử dụng để điều trị viêm xương khớp ở chó (bedinvetmab) và mèo (frunvetmab). Các thuốc này có thể có lợi khi chống chỉ định NSAID hoặc nếu đau không đáp ứng với việc sử dụng NSAID.

THUỐC KHÁNG SINH

Thuốc kháng sinh và Thuốc kháng động vật nguyên sinh

Thuốc toàn thân

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Amoxicillin	Thuốc nhóm aminopenicillin này được khuyến cáo là lựa chọn đầu tiên để điều trị viêm bàng quang do vi khuẩn và một loạt các bệnh nhiễm trùng, bao gồm cả những bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn kỵ khí.
2	Amoxicillin/acid clavulanic hoặc cephalosporin thế hệ 1 (cephalexin hoặc cefadroxil)	Các thuốc nhóm β -lactam này được sử dụng rộng rãi để kiểm soát bệnh viêm da mủ nông hoặc sâu và các bệnh nhiễm trùng da và mô mềm thường gặp khác liên quan đến tụ cầu khuẩn và các vi khuẩn Gram dương khác.
3	Ampicillin hoặc benzylpenicillin	Các chế phẩm dạng tiêm của penicillin này được khuyến cáo để điều trị các bệnh nhiễm trùng đe dọa tính mạng như nhiễm trùng huyết và viêm phổi cấp tính, sử dụng kết hợp với fluoroquinolon, và điều trị cấp tính bệnh nhiễm trùng <i>Leptospira</i> lây truyền từ động vật.
4	Cefazolin	Thuốc nhóm cephalosporin thế hệ đầu dạng tiêm này được khuyến cáo là lựa chọn đầu tiên để dự phòng kháng sinh trong phẫu thuật.
	Clindamycin	Thuốc nhóm lincosamide này được khuyến cáo ở một số quốc gia là lựa chọn đầu tiên để kiểm soát bệnh viêm da mủ nông hoặc sâu ở chó; và ở những nơi khác thuốc này được coi là một lựa chọn thay thế quan trọng cho amoxicillin/acid clavulanic và cephalosporin thế hệ đầu cho các chỉ định trên. Thuốc này cũng được khuyến cáo để điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn kỵ khí. Các chế phẩm dạng tiêm rất quan trọng trong việc kết hợp điều trị các bệnh nhiễm trùng đe dọa tính mạng như nhiễm trùng huyết và viêm phổi cấp tính; dùng phối hợp với fluoroquinolon hoặc các thuốc kháng khuẩn khác có tác dụng với vi khuẩn Gram âm. Clindamycin đã được chứng minh là đạt nồng độ điều trị trong hệ thần kinh trung ương và nó cũng được sử dụng để điều trị các bệnh nhiễm trùng do <i>Mycoplasma</i> , <i>Neospora</i> và <i>Toxoplasma</i> .
6	Doxycycline hoặc minocycline	Các thuốc nhóm tetracycline này là thuốc kháng khuẩn thiết yếu để điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên và dưới, bệnh Lyme và một loạt các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nội bào bắt buộc (<i>Ehrlichia canis</i> , <i>Rickettsia rickettsii</i> , <i>Mycoplasma</i> và <i>Anaplasma spp.</i>).

7	Enrofloxacin, marbofloxacin, orbifloxacin hoặc pradofloxacin	<p>“Danh sách các tác nhân kháng khuẩn có tầm quan trọng trong thú y của OIE” nêu rõ rằng Fluoroquinolon (cùng với cephalosporin thế hệ thứ ba và thứ tư và colistin):</p> <p>(1) không nên được sử dụng để điều trị dự phòng,</p> <p>(2) không nên được sử dụng làm phương pháp điều trị đầu tay trừ khi có lý do chính đáng, khi được sử dụng làm phương pháp điều trị thay thế, lý tưởng nhất là nên dựa trên kết quả của các xét nghiệm vi khuẩn học và</p> <p>(3) nên hạn chế sử dụng ngoài nhãn/ngoài chỉ định và dành cho các trường hợp không có lựa chọn thay thế nào khác. Việc sử dụng phải phù hợp với luật pháp quốc gia hiện hành.</p> <p>[https://www.oie.int/fileadmin/Home/eng/Our_scientific_expertise/docs/pdf/AMR/A_OIE_List_antimicrobials_July2019.pdf] [https://www.google.com/url?sa=E&source=gmail&q=https://www.oie.int/fileadmin/Home/eng/Our_scientific_expertise/docs/pdf/AMR/A_OIE_List_antimicrobials_July2019.pdf]</p> <p>Những thuốc nhóm fluoroquinolon này là lựa chọn hàng đầu để điều trị viêm tuyến tiền liệt và viêm màng não do khả năng xâm nhập vào hàng rào máu-tuyến tiền liệt và máu-não. Cần có các chế phẩm dạng tiêm để điều trị các bệnh nhiễm trùng đe dọa tính mạng như viêm bể thận, hoặc nhiễm trùng huyết và viêm phổi cấp tính; dùng kết hợp với clindamycin hoặc penicillin. Chúng cũng hữu ích trong việc điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn kháng các loại thuốc kháng sinh hàng đầu.</p>
8	Metronidazole	Thuốc nhóm nitroimidazole này được khuyến cáo để kiểm soát một số bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn và một số động vật nguyên sinh.
9	Sulfonamide kèm chất ức chế enzyme dihydrofolate reductase (như sulfadiazine/ trimethoprim)	Các thuốc sulfonamide tăng cường được khuyến cáo là thuốc hàng đầu trong điều trị viêm bàng quang do vi khuẩn và là thuốc kháng khuẩn hữu ích trong điều trị các bệnh nhiễm trùng da và các bệnh nhiễm trùng khác, bao gồm các bệnh nhiễm trùng hệ thần kinh trung ương do vi khuẩn và động vật nguyên sinh nhạy cảm với thuốc.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Chloramphenicol	<p>Thuốc kháng khuẩn kim khuẩn này có hoạt tính phổ rộng đối với các vi khuẩn Gram dương, Gram âm và vi khuẩn kỵ khí bắt buộc. Phù hợp trong điều trị các bệnh nhiễm trùng nội nhãn và hệ thần kinh trung ương.</p> <p>Do lo ngại về sự phát triển của tình trạng kháng thuốc, cần hạn chế sử dụng cho các động vật bị nhiễm trùng kháng với các thuốc kháng khuẩn khác [có sẵn ở dạng tiêm, uống và ngoài da (thuốc nhỏ mắt)].</p>

Thuốc ngoài da/nhỏ mắt

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Chlorhexidine gluconate	Chất khử trùng nhóm biguanide này có sẵn ở các dạng khác nhau (như dầu tắm, thuốc xịt và thuốc mỡ) cho nhiều chỉ định khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở: viêm tai ngoài, viêm nướu, bệnh nha chu, nhiễm trùng da nông, khử trùng vết thương tại chỗ và sát trùng da trước phẫu thuật.
2	Enrofloxacin, marbofloxacin	Thuốc nhóm fluoroquinolon này là lựa chọn hàng đầu để điều trị viêm tai giữa và là lựa chọn thay thế cho aminoglycoside để kiểm soát viêm tai ngoài do vi khuẩn Gram âm.
3	Axit fusidic	Thuốc nhóm fuscane này là lựa chọn đầu tiên trong kiểm soát viêm tai, nhiễm trùng mắt và nhiễm trùng da, và vết thương khu trú liên quan đến tụ cầu khuẩn.
4	Florfenicol	Chất kháng khuẩn này ngày càng được dùng phổ biến để kiểm soát viêm tai do tụ cầu khuẩn; thường là một thành phần của sản phẩm, kết hợp với thuốc chống nấm và corticosteroid.
5	Gentamicin hoặc neomycin	Các thuốc nhóm aminoglycoside này là lựa chọn hàng đầu trong kiểm soát viêm tai ngoài do <i>Pseudomonas aeruginosa</i> và các vi khuẩn Gram âm khác.

Danh mục thuốc cốt lõi		
6	Polymyxin B	Thuốc nhóm polypeptide này là một lựa chọn thay thế hữu ích cho aminoglycoside và fluoroquinolon để kiểm soát viêm tai ngoài do vi khuẩn Gram âm. Thường được kết hợp với miconazole, một thuốc chống nấm có hoạt tính kháng khuẩn.
7	Povidone-iodine	Chất khử trùng nhóm iodophor này được sử dụng rộng rãi như một lựa chọn thay thế cho chlorhexidine gluconate để sát trùng da trước phẫu thuật, bôi lên vết mổ sau phẫu thuật và sát trùng khăn cấp cho vết rách da nhỏ, trầy xước và bỏng.

Thuốc kháng nấm

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Các thuốc điều trị nhiễm nấm da	Các thuốc chống nấm nhóm azole này làm suy giảm lanosterol – loại sterol chính của thành tế bào nấm, bằng cách ức chế lanosterol C14-demethylase phụ thuộc cytochrome P450. Các thuốc này gồm: miconazole, fluconazole, econazole, itraconazole, clotrimazole, enilconazole.
2	Terbinafine	Là thuốc diệt nấm nhóm allylamine, ức chế squalene epoxidase của nấm để ngăn chặn quá trình tổng hợp ergosterol.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Amphotericin B	Thuốc này liên kết với ergosterol trên màng của tế bào nấm, làm tăng tính thấm màng tế bào và mất cation nội bào. Amphotericin B có sinh khả dụng đường uống kém và thường được truyền tĩnh mạch. Hoạt tính chống nấm phụ thuộc nhiều vào công thức sử dụng.

Thuốc kháng ký sinh trùng

(Chúng tôi công nhận rằng phổ tác dụng của các loại thuốc này có thể trùng lặp và không phải mọi loại thuốc đều có sẵn để điều trị ngoại ký sinh trùng và nội ký sinh trùng.)

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Amitraz	Amitraz thuộc nhóm formamidine và hoạt động như một chất ức chế monoamine oxidase và chất chủ vận octopamine. Nó có hoạt tính như một loại thuốc diệt acaricide và thuốc chống côn trùng, được sử dụng chủ yếu trong điều trị bệnh ghẻ demodex và bệnh do giòi (Myiasis).
2	Hợp chất asen (melarsomine)	Melarsomine asen hóa trị ba là một loại thuốc diệt <i>Dirofilaria immitis</i> (giun tim) trưởng thành.
3	Benzimidazole và probenzimidazole	(gồm febantel, fenbendazole, flubendazole, mebendazole và oxibendazole) Các loại thuốc này liên kết với β -tubulin và ngăn cản sự hình thành của cấu trúc vi ống. Chúng đặc biệt hiệu quả đối với giun tròn, nhưng một số thuốc có thể được sử dụng để điều trị các bệnh giun sán và động vật nguyên sinh khác.
4	Isoquinoline (praziquantel, epsiprantel)	Nhóm thuốc này gây co thắt/co thắt cơ nghiêm trọng và làm tê liệt các ký sinh trùng nhạy cảm với thuốc, dẫn đến tử vong. Các thuốc này có hiệu quả đối với sán dây (cestodes) và nhiều loài sán lá (trematode).
5	Isoxazoline (afoxolaner, fluralaner, lotilaner và sarolaner)	Các loại thuốc này ức chế kênh clorua GABA (gamma-aminobutyric acid) và glutamate. Tùy thuộc vào dạng công thức, chúng có hiệu quả đối với bọ chét, ve và ghẻ. Hiện có sẵn các dạng công thức được dùng để điều trị hàng tháng và có tác dụng kéo dài.

Danh mục thuốc cốt lõi (tt)		
6	Lacton vòng lớn	(ivermectin: ivermectin, selamectin; milbemycin: milbemycin oxime, moxidectin) Các thuốc này tương tác và kích hoạt kênh clorua glutamate trên động vật không xương sống, từ đó có tác dụng diệt giun tròn; một số thuốc có tác dụng chống ngoại ký sinh trùng như bọ chét, ve, ghẻ (như selamectin chống bọ chét và ghẻ).
7	Neonicotinoid	(imidacloprid, nitenpyram, dinotefuran) Các thuốc này ức chế các thụ thể acetylcholine nicotinic sau synap của côn trùng, do đó có hoạt tính chọn lọc đối với ngoại ký sinh trùng.
8	Phenylpyrazole (fipronil, pyriple)	Fipronil và pyriple ức chế các kênh clorua GABA và glutamate của động vật chân đốt và có hoạt tính chống bọ chét và ve.
9	Pyrethrin và pyrethroid tổng hợp (pyrethrin, permethrin, deltamethrin, flumethrin)	Các loại thuốc này phá vỡ các kênh natri ảnh hưởng đến quá trình phân cực tế bào. Thuốc có hiệu quả đối với bọ chét và ve, tùy thuộc vào loại thuốc và dạng công thức. Chúng cũng có đặc tính chống côn trùng và, trong một số trường hợp, giúp ngăn ngừa sự truyền lây của mầm bệnh qua véc-tơ.
10	Tetrahydropyrimidine (oxantel, pyrantel)	Các thuốc này là chất chủ vận thụ thể nicotinic acetylcholine giun tròn; có phổ hoạt động đặc hiệu với giun tròn đường tiêu hóa.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Emodepside	Một thuốc nhóm cyclo-octadepsipeptide, hoạt động như một chất chủ vận của thụ thể latrophilin; đây là một cơ chế diệt giun tròn mới
2	Chất ức chế phát triển côn trùng hoặc chất điều hòa sinh trưởng côn trùng	(S-methoprene, pyriproxyfen) Các loại thuốc này can thiệp vào quá trình lột xác và sự phát triển bình thường của động vật chân đốt.
3	Miltefosine hoặc meglumine antimoniate	Dạng uống của các loại thuốc này thường được sử dụng kết hợp với allopurinol để điều trị bệnh nhiễm Leishmania (leishmaniasis) ở chó mèo.
4	Oxadiazine (indoxacarb)	Nhóm thuốc này được hoạt hóa sinh học bởi các este và amidase của côn trùng và hoạt động bằng cách chặn các thụ thể kênh natri. Thuốc này có hiệu quả đối với bọ chét.
5	Spinosyn (spinosad)	Các thuốc này liên kết với thụ thể acetylcholine nicotinic trong hệ thần kinh của côn trùng, dẫn đến sự gián đoạn trong dẫn truyền acetylcholine. Thuốc có hiệu quả đối với bọ chét.
6	Chất ức chế xanthine oxidase (allopurinol)	Dạng uống được dùng trong điều trị bệnh do Leishmania (leishmaniasis) ở chó mèo vì bệnh này được phép điều trị ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Thuốc kháng vi-rút

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Các thuốc tương tự nucleoside	Idoxuridine và trifluridine được sử dụng để điều trị các bệnh nhiễm virus ảnh hưởng đến bề mặt nhãn cầu. Remdesivir và/hoặc GS-441524 được sử dụng để điều trị bệnh viêm phúc mạc truyền nhiễm ở mèo (feline infectious peritonitis – FIP).
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Famciclovir	Có thể sử dụng dạng thuốc tác động toàn thân để điều trị bệnh nhãn cầu cấp tính do herpesvirus typ 1 ở mèo.

THUỐC ĐIỀU CHỈNH HÀNH VI

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Clomipramine	Được dùng để điều trị các rối loạn hành vi bao gồm, nhưng không giới hạn ở: rối loạn lo âu do chia ly, thay đổi hành vi do ám ảnh cưỡng chế và ám ảnh tiếng ồn.
2	Fluoxetine	Được dùng để điều trị các rối loạn hành vi bao gồm, nhưng không giới hạn ở: rối loạn lo âu do chia ly, thay đổi hành vi do ám ảnh cưỡng chế, hung hăng do sợ hãi và ám ảnh tiếng ồn.
3	Trazodone	Được sử dụng để điều trị các rối loạn hành vi liên quan đến lo âu và/hoặc ám ảnh.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Famciclovir	Có thể sử dụng dạng thuốc tác động toàn thân để điều trị bệnh nhân cầu cấp tính do herpesvirus typ 1 ở mèo.

THUỐC HỆ TIM-PHỔI-THẬN

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc đối vận Aldosterone (spironolactone)	Spironolactone làm giảm quá trình tái cấu trúc tim trong bệnh tim mạn tính và có thể được kết hợp với thuốc chống tăng huyết áp để điều trị bệnh tăng huyết áp toàn thân kháng trị. Thuốc có thể được dùng chung với thuốc lợi tiểu quai nhờ tác dụng kháng aldosterone và tác dụng giữ kali
2	Thuốc ức chế men chuyển (ACE inhibitor) (enalapril, benazepril, captopril, lisinopril và ramipril); hoặc Thuốc chặn thụ thể angiotensin (ARB) (telmisartan)	Thuốc ức chế men chuyển ACE và chặn thụ thể angiotensin là thuốc giãn mạch nhẹ, giúp làm giảm kháng lực mạch máu toàn thân, giảm tình trạng phì đại cơ tim và giảm tiết aldosterone nhất là trong điều trị chó bị bệnh giãn cơ tim hoặc thoái hoá van hai lá dạng nhày; đây cũng là thuốc ưu tiên thứ hai trong xử trí bệnh tăng huyết áp toàn thân. Những thuốc này cũng được dùng để điều trị bệnh thận có protein niệu.
3	Thuốc giãn mạch – tăng sức co bóp tim (pimobendan)	Có tác dụng kết hợp giữa giãn mạch và tăng sức co bóp tim trên chó bị suy tim. Thuốc giúp cải thiện kết quả điều trị dài hạn trên chó bị bệnh giãn cơ tim và thoái hoá van hai lá dạng nhày giai đoạn đầu và chó bị suy tim.
4	Thuốc lợi tiểu quai (furosemide hoặc torsemide)	Các thuốc này ngăn chặn quá trình tái hấp thu natri (và nước) ở nhánh lên của quai Henle. Hiện có sẵn dạng tiêm tĩnh mạch hoặc dạng uống; được chỉ định trong xử trí bệnh phù phổi và suy tim cấp tính. Chúng có thể gây mất cân bằng điện giải; hiệu quả bị giới hạn bởi quá trình kích hoạt hệ thống renin-angiotensin.
5	Thuốc chặn kênh canxi chọn lọc mạch máu chọn (amlodipine)	Amlodipine được dùng để điều trị tình trạng tăng huyết áp trên chó và mèo, được sử dụng qua đường uống và điều chỉnh liều lượng đến khi thuốc có tác dụng.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Thuốc đối vận thụ thể β-adrenergic (propranolol, atenolol hoặc esmolol)	Đây là thuốc ức chế sức co bóp và nhịp tim. Có thể được dùng để điều trị cơn loạn nhịp nhanh hoặc bệnh lý tắc nghẽn đường ra thất trái/phải.
2	Glycoside trợ tim (digoxin)	Thuốc này ức chế bơm natri-kali và làm tăng lượng canxi đi vào tế bào. Thuốc có tác dụng tăng lực co bóp tim nhẹ, đồng thời giảm tín hiệu đầu vào hệ giao cảm và cải thiện lưu lượng máu đến thận. Digoxin chặn nút nhĩ-thất và có thể dùng trong điều trị rung nhĩ. Thuốc được dùng kết hợp với các thuốc khác để điều trị suy tim trong một số trường hợp đặc biệt. Thuốc này có sẵn ở dạng uống hoặc tiêm tĩnh mạch.

Danh mục thuốc bổ sung (tt)		
3	Thuốc chặn kênh canxi chọn lọc tim (verapamil, diltiazem)	Được dùng trong điều trị loạn nhịp trên thất (dạng uống và tiêm).
4	Fluticasone	Đây là một thuốc nhóm corticosteroid tổng hợp ở dạng hít, có tác dụng chống viêm mạnh, được sử dụng trong một số rối loạn đường hô hấp trên và phổi ở chó mèo bao gồm: viêm mũi, viêm phế quản, hen suyễn và viêm phổi tăng bạch cầu ái toan. Nên sử dụng ống hít định liều, kết hợp với buồng đệm và mặt nạ thích hợp.
5	Salbutamol	Đây là một chất chủ vận chọn lọc của thụ thể β_2 có thể giãn phế quản khi sử dụng ở dạng khí dung hoặc uống khi có tình trạng co thắt phế quản, đặc biệt là ở mèo.
6	Thuốc chặn kênh natri (lidocaine, procainamide)	Được chỉ định để điều trị loạn nhịp thất liên quan đến những thay đổi huyết động quan trọng.

THUỐC HỆ NỘI TIẾT

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc kháng giáp (methimazole/ thiamazole)	Các thuốc ức chế hormone tuyến giáp tổng hợp có cơ chế hoạt động bằng cách can thiệp vào quá trình kết hợp iod vào phần tyrosyl của thyroglobulin. Các thuốc này rất quan trọng trong điều trị cường giáp ở mèo. Các loại thuốc này được dùng qua đường uống nhưng có thể được bào chế dưới dạng chế phẩm bôi ngoài da.
2	Glucocorticoid	Đây là một nhóm thuốc corticosteroid liên kết với thụ thể glucocorticoid. Có thể được sử dụng để chẩn đoán bệnh cường vỏ thượng thận, bao gồm cả việc phân biệt cường vỏ thượng thận phụ thuộc tuyến yên và tuyến thượng thận. Cần thiết trong điều trị suy vỏ thượng thận. Prednisolone cũng có lợi trong điều trị nội khoa bệnh u insulin. Xem thuốc đường tiêu hóa và thần kinh để tham khảo chéo.
3	Insulin (tác dụng ngắn, trung bình và dài)	Insulin cần thiết để điều trị cấp cứu nhiễm toan ceton do tiểu đường (insulin tác dụng ngắn) khi bệnh tiểu đường không được kiểm soát hoặc không được chẩn đoán trước đó. Insulin kềm từ lợn hoặc insulin tái tổ hợp của người (tác dụng trung bình) cần được dùng để ổn định và kiểm soát bệnh tiểu đường về lâu dài. Insulin tác dụng dài có thể cần thiết khi các dạng tác dụng trung bình không thể điều chỉnh được tình trạng lâm sàng.
4	Mineralocorticoid/ Corticosteroid có tác dụng mineralocorticoid (deoxycorticosterone pivalate, fludrocortisone)	Mineralocorticoid hoặc corticosteroid hoạt động như mineralocorticoid; tác động đến tình trạng cân bằng muối và nước; cần thiết trong điều trị bệnh lý suy vỏ thượng thận lâu dài. Deoxycorticosterone pivalate có sẵn ở dạng tiêm và fludrocortisone có sẵn ở dạng uống.
5	Thuốc ức chế tổng hợp hormone steroid (trilostane, mitotane)	Các loại thuốc này ức chế quá trình sản xuất pregnenolone từ cholesterol và làm giảm quá trình tổng hợp hormone steroid. Các loại thuốc này có thể được sử dụng để điều trị cường vỏ thượng thận và được dùng qua đường uống.
6	Thyroxine tổng hợp (levothyroxine)	Thuốc này được sử dụng để điều trị thiếu hụt hormone tuyến giáp trong bệnh suy giáp ở chó.

Danh mục thuốc bổ sung		
1	Chất chuyển hóa hydroxyl hóa của oestradiol, oestrone hoặc các thuốc thuộc nhóm tương tự	Hoạt động như một chất chủ vận thụ thể estrogen, giúp tăng cường lực cơ vòng niệu đạo trong điều trị nội khoa bệnh lý cơ vòng niệu đạo.
2	Thuốc cường giao cảm (phenylpropanolamine)	Hoạt động như một chất chủ vận của các thụ thể α - và β -adrenergic và kích thích giải phóng noradrenaline (norepinephrine). Phenylpropanolamine được sử dụng trong các trường hợp tiểu không tự chủ.
3	Chất tương tự vasopressin (desmopressin acetate; DDAVP)	Có sẵn ở dạng đường uống hoặc thuốc nhỏ kết mạc; dùng trong điều trị đái tháo nhạt do trung ương ở chó mèo. Cũng có thể sử dụng thuốc này qua đường tĩnh mạch hoặc dưới da cho chó mắc bệnh von Willebrand.

THUỐC AN TỬ

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Barbiturat	Barbiturat (thiopental hoặc pentobarbital) có thể không cần thiết như thuốc gây mê, nhưng chúng là thuốc an thần quan trọng đặc biệt khi không có các thuốc gây mê khác (ketamine, propofol và alfaxalone); được dùng để gây bất tỉnh trước khi thực hiện an tử. Các loại thuốc này thường được kết hợp với các loại thuốc khác như một phần của hỗn hợp thuốc an tử.
2	Kali clorua	Được dùng để an tử khi đã được gây mê. Xem thêm mục Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu.

THUỐC HỆ TIÊU HOÁ

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Than hoạt tính	Điều trị tình trạng ngộ độc qua đường tiêu hoá, vì thuốc này không được hấp thu qua đường tiêu hoá
2	Thuốc chống nôn	Thuốc đối vận thụ thể D2 cảm ứng dopamine và đối vận với thụ thể 5-HT3 cảm ứng serotonin (metoclopramide và ondansetron) hoặc đối vận với thụ thể neurokinin-1 (maropitant). Được chỉ định để kiểm soát tình trạng nôn mửa do thuốc hoặc bệnh và chống nôn do chứng say do chuyển động (chỉ có maropitant). Những thuốc này chỉ được dùng để điều trị triệu chứng và không được dùng để điều trị bệnh nền. Metoclopramide làm giảm rủi ro trào ngược dạ dày-thực quản nhưng không hoàn toàn phòng ngừa được tình trạng này. Xem thêm mục Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu.
3	Thuốc chống loét	Thuốc đối vận thụ thể histamine (ranitidine hoặc famotidine), thuốc ức chế sucralfate hoặc bơm proton (omeprazole). Thuốc đối vận thụ thể histamine làm giảm tiết proton và axit dạ dày, đây là quá trình bị kích thích bởi các con đường điều hòa bởi histamine. Sucralfate bám vào các mô bị loét, từ đó tạo các rào cản vận lý và bảo vệ mô tổn thương khỏi các ion hydro, pepsin và dịch mật, thúc đẩy quá trình lành mô. Các chất ức chế bơm proton bám vào và chặn enzyme H ⁺ /K ⁺ -ATPase, từ đó chặn quá trình tiết axit dạ dày kích thích bởi tất cả các con đường. Những thuốc này được chỉ định điều trị bệnh lý loét dạ dày-tá tràng, viêm thực quản và viêm dạ dày.

Danh mục thuốc cốt lõi (tt)		
4	Thuốc gây nôn (apomorphine hoặc xylazine)	Apomorphine kích thích thụ thể dopamine trong vùng kích hoạt thụ thể hoá học (chemoreceptor trigger zone - CTZ), gây nôn sau khi cho uống hoặc tiêm. Thuốc được dùng để xử lý các trường hợp vô tình nuốt phải chất độc/thuốc khi thuốc được dùng một cách nhanh chóng, kịp thời. Xylazine là chất chủ vận thụ thể α_2 adrenergic (xem phần Thuốc gây mê). Có thể được dùng trên mèo để kích nôn, nhưng có thể gây tác dụng an thần.
5	Liệu pháp điều hòa miễn dịch bằng thuốc nhóm glucocorticoid (prednisolone)	Thuốc này được dùng như thuốc ức chế miễn dịch để điều trị nhiều bệnh lý trung gian miễn dịch khác nhau.
6	Lactose	Lactose giúp toan hóa các chất chứa trong kết tràng. Ammonia bị giam lại và chuyển thành ammonium và, trong dạng này, không thể bị hấp thu bởi thành ruột. Lactose được dùng để giảm nồng độ ammonia trong điều trị hội chứng não gan, nhưng cũng có tác dụng nhuận tràng theo cơ chế thẩm thấu trong trường hợp táo bón. Xem mục Thuốc thần kinh.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Mirtazapine	Thuốc chống trầm cảm 3 vòng dùng để kích thích cảm giác thèm ăn trên mèo.

THUỐC ĐIỀU HOÀ MIỄN DỊCH

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc nhóm Glucocorticoid (prednisolone)	Prednisolone là loại thuốc được khuyến cáo dùng trên chó mèo qua đường uống. Có thể dùng dexamethasone dạng tiêm mạch nếu không thể cấp qua đường uống.
2	Thuốc ức chế miễn dịch (azathioprine, cyclosporine/ciclosporin, mycophenolate)	Những thuốc ức chế hệ miễn dịch có thể có tác dụng ức chế hoặc điều hòa hệ miễn dịch ở nhiều mức độ khác nhau; để điều trị các bệnh do trung gian miễn dịch hoặc bệnh miễn dịch (tức bệnh nhược cơ, thiếu máu tán huyết hoặc giảm tiểu cầu do trung gian miễn dịch, các bệnh da, bệnh viêm ruột, viêm đa khớp, lupus ban đỏ toàn thân, v.v.). Nhưng chúng không thể thay thế lẫn nhau trong liệu trình điều trị. Những liệu pháp này thường được kết hợp với thuốc nhóm corticosteroid hoặc thường được dùng trên loài này hơn so với loài khác (như azathioprine chỉ được dùng trên chó mà không được khuyến cáo dùng trên mèo; trên mèo thì chlorambucil là loại thuốc thay thế). Cyclosporine được cấp phép dùng trong quản lý bệnh viêm da cơ địa trên chó mèo và dùng dưới dạng nhỏ mắt để điều trị hội chứng khô mắt (bệnh viêm kết – giác mạc khô). Ngoài cyclosporine ra thì những thuốc còn lại chưa được cấp phép sử dụng trong thú y.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Oclacitinib	Thuốc này được dùng trong điều trị bệnh viêm da cơ địa và bệnh da dị ứng trên chó.
2	Tacrolimus	Thuốc này được dùng trong một số tình trạng nhất định để ức chế hệ miễn dịch. Trong nhãn khoa, thuốc này được dùng để điều trị hội chứng khô mắt không đáp ứng với các thuốc ức chế/điều hòa miễn dịch khác.

THUỐC THẦN KINH

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc chống động kinh (phenobarbital/phenobarbitone, IV, PO; pentobarbital IV; diazepam, IV)	Phenobarbital và diazepam được khuyến cáo là thuốc chống co giật hàng đầu trên chó mèo. Pentobarbital là một thuốc nhóm barbiturate có thể được dùng như thuốc chống động kinh, nhưng cũng là thuốc trợ tử (xem phần Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu).
2	Dextrose	Để điều trị cấp cứu tình trạng hạ đường huyết và bổ sung dịch thể trong trường hợp rối loạn kiềm-toan liên quan đến hội chứng não-gan (xem mục Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu).
3	Thuốc nhóm glucocorticoid (dexamethasone IV; prednisolone PO)	Nhóm glucocorticoid có đặc tính kháng viêm và ức chế miễn dịch phụ thuộc liều lượng. Dexamethasone hiện có dạng tiêm và dạng uống; prednisolone dạng uống có tỉ lệ bị tác dụng phụ thấp hơn khi điều trị dài hạn. Prednisolone là thuốc steroid được ưa dùng hơn trên mèo (xem phần Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu; thuốc dạ dày-ruột, thuốc nội tiết và thuốc điều hòa miễn dịch).
4	Thuốc lợi tiểu thẩm thấu (mannitol)	Mannitol được chỉ định để giảm tình trạng phù não và giảm áp lực nội sọ. Mannitol có lợi thế hơn nước muối ưu trương vì không cần phải theo dõi nồng độ điện giải. (xem phần Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu)
5	Thiamine	Việc bổ sung thiamine hoặc vitamin B1 cần thiết trong những ca bị thiếu hụt vitamin B1 trên chó mèo (mèo bỏ ăn; thiếu dinh dưỡng; ăn thịt chứa quá nhiều sulphite).
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Thuốc chống động kinh (imepitoin, potassium bromide, levetiracetam, gabapentin và pregabalin)	Thường cần đến liệu pháp điều trị kết hợp nhiều loại thuốc động kinh, vì những ca kháng trị khá phổ biến. Kali bromid có giá thành rẻ và có thể dùng trên chó bị rối loạn chức năng gan. Cần sử dụng liều nạp để đạt được trạng thái ổn định nhanh hơn. Liều nạp liên quan đến tỉ lệ bị tác dụng phụ cao hơn. Không nên dùng thuốc này trên mèo. Imepitoin được chấp thuận trên thị trường thú y để sử dụng trên chó. Levetiracetam nên được sử dụng như thành phần hỗ trợ cho các thuốc chống động kinh khác. Gabapentin và pregabalin là những thuốc chống động kinh kém nhưng được dùng để điều trị các tình trạng đau đớn, gồm đau do thần kinh, và để giảm stress trong trường hợp cần vận chuyển thú.

THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ

[Những loại thuốc trong danh mục thuốc cốt lõi này không phải lúc nào cũng điều trị được các bệnh lý tái lại (tái lại dù đã được điều trị bằng phác đồ giải cứu) hoặc các trường hợp ngộ độc do một loại thuốc cụ thể.]

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc alkyl hóa (cyclophosphamide và chlorambucil)	Cyclophosphamide hiện có dạng uống và dạng tiêm mạch, thường được dùng trong điều trị u hạch bạch huyết trên chó mèo, kết hợp với thuốc khác như một phần của phác đồ sử dụng nhiều thuốc. Chlorambucil thường được dùng qua đường uống để điều trị bệnh bạch cầu dòng lympho mạn tính, u tế bào mast và ung thư tế bào chuyển tiếp.
2	Thuốc kháng sinh chống ung thư (doxorubicin)	Dùng riêng lẻ hoặc kết hợp với các phác đồ để điều trị u hạch bạch huyết, ung thư mạch máu, ung thư xương, ung thư vú, ung thư tại vị trí tiêm thuốc trên mèo và hầu hết các trường hợp ung thư biểu mô và nhu mô trên chó mèo.
3	Corticosteroid (prednisolone)	Prednisolone là loại thuốc corticosteroid thường được dùng nhất để điều trị hầu hết các loại ung thư tế bào tròn.
4	Thuốc chứa platinum (carboplatin)	Carboplatin được sử dụng rộng rãi để điều trị nhiều loại ung thư xương và mô mềm, cũng như ung thư biểu mô bao gồm: ung thư xương, ung thư tế bào chuyển tiếp, ung thư tuyến tiền liệt, ung thư mô mềm ở đầu và cổ, ung thư phổi v.v.

Danh mục thuốc cốt lõi (tt)		
5	Thuốc nhóm vinca alkaloid (vincristine, vinblastine)	Vincristine là thuốc hóa trị ưu tiên hàng đầu sử dụng trong nhiều phác đồ điều trị ung thư hạch bạch huyết và bệnh bạch cầu, cũng như để điều trị bệnh ung thư lây truyền qua đường giao cấu (transmissible venereal tumour - TVT). Thuốc này được dùng trong phác đồ kết hợp nhiều thuốc để điều trị ung thư mạch máu. Vinblastine thường được dùng để điều trị u tế bào mast và ung thư tế bào chuyển tiếp.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Thuốc chống chuyển hóa (hydroxyurea)	Thường dùng để điều trị polycythaemia vera và có thể được xem xét để điều trị các dạng bệnh bạch cầu cụ thể.
2	Thuốc nhóm nitrosurea (lomustine và melphalan)	Lomustine là thuốc dạng uống để điều trị u hạch bạch huyết da trên chỏ, u tế bào mast và u hạch bạch huyết, u tế bào hạt hoặc u hạch bạch huyết tái phát. Lomustine đi qua được hàng rào máu não và được sử dụng rộng rãi để điều trị khối u trong hệ thần kinh trung ương. Melphalan được dùng ở dạng uống để điều trị bệnh đa u tủy (multiple myeloma).
3	Thuốc ức chế enzyme tyrosine kinase (toceranib, masitinib và imatinib)	Đây là các liệu pháp nhắm trúng đích (targeted therapies) có thể chặn các thụ thể nhất định; các thụ thể này thường được biểu hiện một cách bất thường trong các khối u nhất định, nhất là u tế bào mast. Việc sử dụng toceranib đã được mở rộng sang điều trị khối u tuyến đầu tiết (apocrine gland) và u biểu mô tuyến của túi hậu môn, u mô đệm đường tiêu hóa (gastrointestinal stromal tumor - GIST), tân sinh mô phổi, ung thư tế bào biểu mô vảy và hầu hết các dạng ung thư tuyến nội tiết như u tuyến tiết insulin, u tế bào biểu mô tuyến giáp, u tuyến tụy và u tuyến thượng thận.

THUỐC NHÃN KHOA

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc ức chế carbonic anhydrase (dorzolamide)	Thuốc ức chế enzyme carbonic anhydrase dạng nhỏ mắt nên được dùng để làm giảm áp lực nội nhãn bằng cách làm giảm sản xuất thủy dịch trong bệnh cườm nước (glaucoma).
2	Thuốc nhóm glucocorticoid	Là các thuốc steroid dạng nhỏ mắt có hiệu quả cao (dexamethasone phosphate) và/hoặc có đặc tính xuyên sâu qua giác mạc (prednisolone acetate) và thường cần thiết trong điều trị các bệnh về bề mặt mắt và bên trong mắt.
3	Chất ưu trương (mannitol)	Chất làm tăng độ thẩm thấu của máu có thể được tiêm mạch để giúp làm giảm áp lực nội nhãn trong cườm nước cấp tính (xem phần Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu).
4	Thuốc ức chế/điều hòa miễn dịch	Cyclosporine và tacrolimus là những thuốc ức chế/điều hòa miễn dịch thường được dùng trong những rối loạn trung gian miễn dịch (như hội chứng khô mắt). Những thuốc này được dùng dưới dạng nhỏ mắt (như cyclosporine, tacrolimus) (xem phần Thuốc ức chế miễn dịch).
5	Thuốc gây tê cục bộ	Thuốc gây tê cục bộ có thể được dùng dưới dạng nhỏ mắt (như proparacaine, tetracaine) hoặc dùng để gây tê cục bộ-vùng trong phẫu thuật cắt bỏ nhãn cầu (xem phần Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu).
6	Thuốc làm giãn đồng tử (mydriatics) và thuốc làm liệt cơ thể mi (cycloplegics)	Đây là những thuốc đối vận thụ thể cholinergic dạng nhỏ mắt (tropicamide và atropine) thường được dùng để giúp thấy được thủy tinh thể, dịch kính và võng mạc; cũng được dùng để hỗ trợ điều trị bệnh viêm màng bồ đào. Hai loại thuốc này có thể dùng dưới dạng nhỏ mắt.

Danh mục thuốc cốt lõi (tt)		
7	Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID)	Thuốc NSAID dạng nhỏ mắt (flubiprofen, diclofenac, ketarolac) thường được dùng để điều trị bệnh lý về bề mặt mắt và bên trong mắt. Thuốc cũng có thể được dùng để phòng ngừa viêm nội nhãn khi rủi ro bị viêm tăng cao (như trong bệnh viêm màng bồ đào do thủy tinh thể).
8	Chất tương tự prostaglandin (latanoprost)	Thuốc này được dùng trong một số loại tăng nhãn áp (như tăng nhãn áp nguyên phát) và bị chống chỉ định trong một số loại tăng nhãn áp khác (như thủy tinh thể chệch về phía trước, tăng nhãn áp do viêm màng bồ đào).
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Thuốc chủ vận thụ thể cholinergic/thuốc mô phỏng chất kích thích hệ thần kinh phó giao cảm (pilocarpine)	Có thể được cân nhắc dùng để điều trị hội chứng khô mắt do thần kinh dưới dạng nhỏ hoặc dạng uống.
2	Thuốc ức chế enzyme proteinase	Thuốc ức chế proteinase (EDTA, N-acetylcysteine và kháng sinh nhóm tetracycline) được cân nhắc sử dụng khi có tình trạng tích tụ quá nhiều enzyme metalloproteinase chất nền (matrix metalloproteinase) làm tan giác mạc; đây là bệnh lý phổ biến trên chó già.

THUỐC HỆ SINH SẢN

Danh mục thuốc cốt lõi		
1	Thuốc kháng progestogen (aglepristone)	Những thuốc này làm gián đoạn quá trình mang thai (lên đến 45 ngày sau khi giao phối), khởi phát chuyển dạ hoặc quản lý tình trạng viêm tử cung mu, u xơ tuyến vú trên mèo, bệnh to đầu-chi (acromegaly) trong thời kỳ không động dục và khởi phát chuyển dạ trên giống chó/mèo lên đến 15kg.
2	Calcium gluconate hoặc chloride	Thuốc này được dùng dưới dạng tiêm mạch để điều trị hạ canxi huyết quanh thời điểm sinh đẻ (xem phần Thuốc gây mê, giảm đau, an thần và cấp cứu).
3	Thuốc chủ vận dopamine (cabergoline, metergoline)	Những thuốc này được dùng để làm ngưng tiết sữa (trong mang thai giả hoặc trong lúc thú non cai sữa). Chúng có thể gây nôn mửa, gián đoạn quá trình mang thai nếu sử dụng trên thú đang mang thai; không nên dùng chung với thuốc đối vận dopamine.
4	Hormone giải phóng gornadotropin (GnRH) (deslorelin)	Thuốc này có sẵn dưới dạng tiêm dưới da. Deslorelin có tác dụng triệt sản đảo ngược được sau khi tiêm trên chó mèo đực và chó cái trước khi dậy thì.
5	Oxytocin	Thuốc này được dùng để điều trị viêm tử cung và những vấn đề về sinh sản trên chó mèo.
Danh mục thuốc bổ sung		
1	Thuốc kháng androgen (osaterone acetate, delmadinone acetate, finasteride và flutamide)	Những thuốc này chủ yếu được dùng để điều trị bệnh tuyến tiền liệt trên chó, bao gồm tăng sản lành tính tuyến tiền liệt (phi đại tuyến tiền liệt).
2	Thuốc nhóm glucocorticoid (dexamethasone)	Những thuốc này giúp kích thích thai nhi trưởng thành trước khi mổ đẻ.

VẮC-XIN DÀNH CHO CHÓ MÈO

Danh mục thuốc cốt lõi

Vắc-xin cốt lõi là những loại vắc-xin mà mọi chó mèo đều phải được tiêm, sau khi cân nhắc những yếu tố về mặt địa lý nơi chúng sống hoặc di chuyển đến. Có thể tìm thấy lịch tiêm chủng khuyến cáo dành cho chó mèo con và chó mèo trưởng thành, cũng như chó mèo trong trại cứu hộ và các trường hợp nuôi tập thể khác trong Bản Hướng dẫn Tiêm chủng của WSAVA (Bản Hướng dẫn Tiêm chủng của WSAVA đề cập đến việc sử dụng vắc-xin cho thú nhỏ có chất lượng tốt đã qua thẩm định được sản xuất bởi các công ty sản xuất vắc-xin lớn toàn cầu). Bản Hướng dẫn không được áp dụng đối với các sản phẩm sản xuất tại một khu vực cụ thể mà có chất lượng thấp hơn. Một vấn đề mà các bác sĩ thú y ở nhiều nơi trên thế giới phải đối mặt là số loại vắc-xin sẵn có vẫn còn hạn chế. Ở nhiều quốc gia, bác sĩ thú y chỉ tiếp cận được với các sản phẩm đa thành phần, kết hợp lên đến 12 loại kháng nguyên khác nhau (bao gồm các thành phần vắc-xin cốt lõi tùy trường hợp, không cốt lõi và không khuyến cáo). Điều này sẽ tạo nên một rào cản cho bác sĩ thú y trong việc chăm sóc sức khỏe thú cưng một cách tối ưu và cá nhân hóa. Tất cả các cơ sở thực hành thú y nên phát triển một chương trình tiêm chủng vắc-xin cốt lõi cho tất cả chó mèo mà họ chăm sóc. Hướng dẫn về cách thực hiện điều này được đề cập đến trong Bản Hướng dẫn Tiêm chủng của WSAVA và, đối với một số quốc gia, trong những bản hướng dẫn cấp quốc gia và cấp khu vực đã được thực chứng.

Chó: Những vắc-xin cốt lõi đối với chó, ở mọi nơi trên thế giới, là những vắc-xin bảo vệ chó khỏi: vi-rút sài sốt chó (canine distemper virus - CDV), vi-rút adeno trên chó (canine adenovirus - CAV) và vi-rút parvo 2 trên chó (canine parvovirus 2 - CPV). Tại những nơi mà bệnh dại trên chó là bệnh đặc hữu, nên cân nhắc vắc-xin dại trong danh sách vắc-xin cốt lõi. Ở nhiều nơi trên thế giới thì xoắn khuẩn trên chó cũng là một bệnh đặc hữu. Ở những nơi này, nên cân nhắc những loại vắc-xin phòng bệnh xoắn khuẩn trong danh sách vắc-xin cốt lõi nếu chúng có sẵn.

Mèo: Những vắc-xin cốt lõi đối với mèo, ở mọi nơi trên thế giới, là những vắc-xin bảo vệ mèo khỏi: vi-rút parvo trên mèo (feline parvovirus - FPV) (còn gọi là vi-rút giảm bạch cầu trên mèo), vi-rút herpes-1 trên mèo (feline herpesvirus-1 - FHV) và vi-rút calici trên mèo (feline calicivirus - FCV). Tại những nơi mà bệnh dại trên mèo là bệnh đặc hữu, nên cân nhắc vắc-xin dại trong danh sách vắc-xin cốt lõi. Ở nhiều nơi trên thế giới thì bệnh liên quan đến vi-rút bệnh bạch cầu trên mèo (feline leukaemia virus - FeLV) cũng là bệnh đặc hữu. Ở những nơi này, nên cân nhắc vắc-xin FeLV trong danh sách vắc-xin cốt lõi cho mèo nhỏ (<1 năm tuổi) và mèo trưởng thành được ra ngoài trời hoặc nuôi chung với mèo khác cũng được ra ngoài trời.

Danh mục thuốc bổ sung

Những thuốc cần thiết mang tính bổ trợ được định nghĩa trong Danh mục Thuốc Thiết yếu là những loại thuốc yêu cầu mức độ chuyên môn nhất định liên quan đến việc sử dụng chúng. Không có loại vắc-xin dự phòng nào được mô tả ở đây đòi hỏi chuyên môn đặc biệt để sử dụng. Vì vậy, theo nghĩa hẹp, danh mục bổ trợ nên để trống. Tuy nhiên, vẫn cần chọn ra các loại vắc-xin không cốt lõi một cách kỹ lưỡng và thấu đáo, và việc này dựa vào kiến thức chuyên sâu về địa phương cụ thể. Do đó, những vắc-xin “không cốt lõi” được liệt kê ở đây như là những vắc-xin “bổ trợ”. Việc lựa chọn loại vắc-xin nào được khuyến nghị sử dụng cho một cá thể chó mèo cụ thể nào đó nên được dựa trên kiến thức vững chắc về sự lưu hành của bệnh truyền nhiễm đó tại địa phương và dựa trên kiến thức về lối sống cũng như rủi ro phơi nhiễm của các thể đó. Những vắc-xin không cốt lõi có thể có tầm quan trọng tương đương vắc-xin cốt lõi, phụ thuộc vào các yếu tố rủi ro tại địa phương đó. Lý tưởng nhất thì những vắc-xin không cốt lõi nên có sẵn dưới dạng các sản phẩm đơn trị (monovalent) hoặc có ít thành phần để được lựa chọn sử dụng trên từng cá thể cụ thể. Nhiều quốc gia không có sẵn những sản phẩm như vậy.

Chó: Những vắc-xin chưa được đề cập ở trên có thể được khuyến nghị sử dụng để bảo vệ những cá thể chó có lối sống đặc biệt hoặc sống ở những khu vực đặc biệt thế giới, bao gồm:

- Vắc-xin *Bordetella bronchiseptica* (dạng tiêm, xịt mũi hoặc uống; tính có sẵn tùy thuộc vào khu vực).
- Vắc-xin vi-rút phó cúm (parainfluenza virus) (dạng tiêm, xịt mũi hoặc uống; đôi khi kết hợp với *Bordetella bronchiseptica*; tính có sẵn tùy thuộc vào khu vực)
- Vắc-xin *Borrelia* (chủ yếu ở Bắc Mỹ và Châu Âu)
- Vắc-xin *Leishmania* (Châu Âu và Châu Mỹ Latin)
- Vắc-xin *Babesia* (Châu Phi và Châu Âu)
- Vắc-xin cúm trên chó (Bắc Mỹ)

Bản Hướng dẫn Tiêm chủng của WSAVA không khuyến cáo sử dụng vắc-xin vi-rút corona đường ruột hoặc vắc-xin Giardia.

Danh mục thuốc bổ sung (tt)

Mèo: Những vắc-xin chưa được đề cập ở trên có thể được khuyến cáo sử dụng để bảo vệ CÁC cá thể mèo có lối sống đặc biệt hoặc sống ở những khu vực đặc biệt thế giới, bao gồm:

- Vắc-xin vi-rút suy giảm miễn dịch trên mèo (Nhật, Úc và New Zealand)
- Vắc-xin *Clhamydia felis*
- Vắc-xin *Bordetella bronchiseptica*

Bản Hướng dẫn Tiêm chủng của WSAVA không khuyến cáo sử dụng vắc-xin bệnh viêm phúc mạc truyền nhiễm trên mèo (feline infectious peritonitis - FIP) hoặc vắc-xin nấm da (dermatophyte).

LỜI CẢM ƠN

Phiên bản đầu tiên của tài liệu này sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự đóng góp của các đồng nghiệp sau (theo thứ tự bảng chữ cái): Filipe Espinheira, Michael Day, Marilyn Dunn, Walt Ingwersen, Roberta Portela, Hélène Ruel, dịch vụ Theriogenology của École nationale vétérinaire d'Alfort và Hội đồng Đầu toàn cầu WSAVA.

Phiên bản thứ hai sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự đóng góp của Hội đồng Đầu toàn cầu WSAVA, Nhóm Ung thư WSAVA, Ủy ban Kiểm soát Sinh sản WSAVA, nhóm Hướng dẫn Tiêm chủng WSAVA, ý kiến từ các thành viên của nhóm WSAVA OneHealth và nhiều hiệp hội WSAVA sau buổi kiểm duyệt mở. Nhóm Hướng dẫn Trị liệu WSAVA được tài trợ bởi Zoetis. Nhà tài trợ không tham gia vào sự đồng thuận của chuyên gia, nghiên cứu hoặc xem xét và phê duyệt bản thảo. Danh mục Thuốc thiết yếu cho Chó Mèo của WSAVA này đã được xuất bản khi được gửi tới JSAP và chưa trải qua quy trình đánh giá ngang hàng đầy đủ thông thường.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Paulo V. Steagall: Khái niệm hóa (ngang bằng); điều tra (ngang bằng); phương pháp luận (ngang bằng); quản trị dự án (ngang bằng); giám sát (ngang bằng); viết - bản thảo gốc (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng). Jennifer L. Granick: Điều tra (ngang bằng); xác nhận (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng). Fergus Allerton: Điều tra (ngang bằng); phương pháp luận (ngang bằng); xác nhận (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng). Pawel M. Beczkowski: Phương pháp luận (ngang bằng); xác nhận (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng). J. Scott Weese: Điều tra (ngang bằng); phương pháp luận (ngang bằng); minh họa (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng). Andreja K. Hrček: Quản lý dữ liệu (ngang bằng); phương pháp luận (ngang bằng); nguồn lực (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng). Felisbina Queiroga: Phương pháp luận (ngang bằng); xác nhận (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng). Luca Guardabassi: Phương pháp luận (ngang bằng); xác nhận (ngang bằng); viết - xem xét và chỉnh sửa (ngang bằng).